

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

*Phạm Thái Quốc**

Gần đây giới bình luận quốc tế bàn nhiều đến khả năng trỗi dậy mạnh mẽ của một số nước - gọi là nhóm 5 nước lớn (big five) trong nhóm có thu nhập trung bình và thấp nhưng có quy mô dân số và diện tích lớn, có nhiều tiềm năng cho phát triển. Đó là các nước: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Braxin và Indônêxia. Trong số các nước này, sự phát triển mạnh và gia tăng ảnh hưởng quốc tế được thấy rõ hơn đối với các trường hợp Trung Quốc và Ấn Độ.

Đã có khá nhiều bài viết, nhiều bình luận xung quanh hai nước này dưới nhiều tiêu đề hấp dẫn như: “Người khổng lồ thức dậy”, “Con rồng Trung Quốc”, “con voi Ấn Độ”, “Những siêu cường mới”... Quả thật, sự vươn lên nhanh chóng của hai nước đang phát triển đông dân nhất thế giới này đã và đang làm sự phát triển của khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở nên sôi động hơn, làm cho nhiều nước lớn phải điều chỉnh các chính sách, chiến lược liên quan đến nhiều lĩnh vực như năng lượng, thị trường, đối tác, tiền tệ... Sự trỗi dậy mạnh mẽ của hai nước lớn này cũng mang

lại nhiều tác động đối với các nước láng giềng gần gũi, trong đó có Việt Nam.

I. SO SÁNH KINH TẾ TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ VỀ QUY MÔ, TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG, THỜI GIAN VÀ TÍNH LIÊN TỤC CỦA TĂNG TRƯỞNG

1. Về quy mô nền kinh tế

Quy mô kinh tế của cả Trung Quốc và Ấn Độ đều tăng rất nhanh trong hơn 15 năm qua. Từ những nước dù có diện tích và dân số khổng lồ nhưng tiềm lực kinh tế nhỏ bé, hiện nay cả Trung Quốc và Ấn Độ đều là những nước có quy mô kinh tế lớn, đều ở trong nhóm 10 nước có quy mô kinh tế lớn nhất thế giới. Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ 2 châu Á, từ năm 2006 Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới. Trong khi đó, Ấn Độ là nền kinh tế lớn thứ 3 châu Á, từ năm 2004 Ấn Độ có tên trong danh sách 10 nền kinh tế hàng đầu thế giới, với tổng GDP năm 2004 đạt 692 tỷ USD⁽¹⁾. Tính theo phương pháp đồng giá sức mua (PPP), Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới với GDP năm 2005 đạt 8,84 ngàn tỷ USD, trong khi mức này của Ấn Độ là 3,63 ngàn tỷ USD, đứng thứ tư thế giới (so với 12,150 ngàn tỷ USD của Mỹ năm 2004)⁽²⁾. Tuy nhiên, do

* Tiến sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

đều có dân số đông, GDP bình quân đầu người (năm 2005) của cả Trung Quốc (1700 USD) và Ấn Độ (700 USD) còn quá thấp không chỉ với các nước phát triển mà còn thấp đối với đa số các nước đang phát

triển. Ngay cả tính theo PPP thì năm 2005 mức GDP theo đầu người của Ấn Độ cũng chỉ đạt 3300 USD so với 6800 USD/người của Trung Quốc⁽³⁾.

Bảng 1: Tổng GDP của Trung Quốc và Ấn Độ, 1978 - 2005 (Tỷ USD)

| | 1978 | 1983 | 1999 | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 |
|------------|-------|-------|-------|------|------|------|------|------|
| Trung Quốc | 147,3 | - | 996,7 | 1160 | 1271 | 1413 | 1822 | 2248 |
| Ấn Độ | - | 212.3 | 447 | - | 510 | 603 | 692 | 755 |

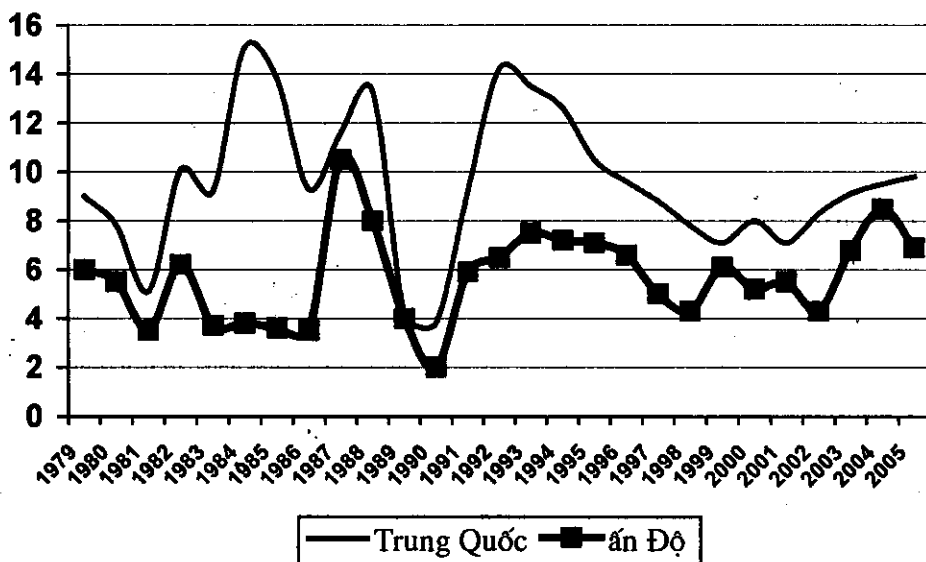
Nguồn: tính toán của tác giả.

Mặc dầu vậy, GDP (tính theo USD) của Trung Quốc vẫn lớn hơn nhiều so với của Ấn Độ. Nếu trong những năm cuối thập kỷ 1970, tổng GDP của Trung Quốc còn thấp hơn mức của Ấn Độ thì sang những năm đầu thế kỷ XXI quy mô kinh tế của Trung Quốc đã lớn hơn Ấn Độ nhiều lần. Năm 2005, trong khi tổng GDP của Ấn Độ là 755 tỷ USD thì con số của Trung Quốc là 2248 tỷ USD, gấp hơn 3 lần mức của Ấn

Độ. Điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc liên tục hơn, vượt trội hơn và có ưu thế hơn hẳn so với Ấn Độ, ít nhất là cho đến thời điểm hiện nay. Cần nhớ là năm 1960 GDP bình quân đầu người của Ấn Độ cao hơn mức của Trung Quốc và tương đương mức của Hàn Quốc.

2. Về tốc độ tăng trưởng và thời gian tăng trưởng:

Biểu 1: Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ giai đoạn 1979-2005 (%)



Nguồn: - The APC Journal of Asia - Pacific Studies No 6, Tr. 7,9; Tài liệu phục vụ nghiên cứu số TN 98-62 1998, Tr.7;-<http://www.economywatch.com/database/national-income>-

Cả Trung Quốc và Ấn Độ đều đạt được quân ở châu Á và thế giới, và sự tăng tốc độ tăng trưởng cao so với mức bình thường được duy trì liên tục trong nhiều

năm. Điểm khác nhau là ở chỗ khoảng thời gian tăng trưởng cao, liên tục của Trung Quốc dài hơn (từ 1979) so với Ấn Độ (từ 1991) xem bảng 1.

Trong khoảng 25 năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm của Trung Quốc đạt gần 10%, trong khi tốc độ này trong cùng thời gian của Ấn Độ chỉ là khoảng xấp xỉ 6%. Tính từ đầu những năm 1990 đến nay, trong khi GDP của Trung Quốc tăng bình quân 9,2% mỗi năm, thì mức tăng GDP bình quân của Ấn Độ chỉ đạt 6-7% năm.

Từ năm 2002 đến nay, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn mức bình quân của thế giới. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung

Quốc vẫn cao hơn nhiều. Trong nhiều năm, Trung Quốc là nước có tốc độ tăng trưởng thuộc loại cao nhất thế giới - cao hơn gấp đôi mức bình quân thế giới cũng như cao hơn mức bình quân của các nước đang phát triển châu Á. Tốc độ tăng trưởng dẫn đầu thế giới của Trung Quốc thậm chí vẫn được duy trì trong những năm 1998 - 2001, khi kinh tế khu vực và thế giới chịu nhiều tác động không thuận lợi cho phát triển. Trong khi đó, Ấn Độ tuy có tốc độ tăng trưởng GDP cao trong những năm gần đây, nhưng chưa được xếp vào hàng các nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới. Tốc độ tăng GDP của Ấn Độ chỉ xấp xỉ và gần mức của các nước châu Á đang phát triển.

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc, Ấn Độ so với mức bình quân của khu vực và thế giới, 2002 - 2005 (%).

| | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 |
|------------------------|------|------|------|------|
| Toàn thế giới | 3.0 | 3.9 | 5.0 | 4.3 |
| Các nước phát triển | 1.6 | 2.1 | 3.6 | 2.9 |
| Đang phát triển châu Á | 6.6 | 7.7 | 7.6 | 6.9 |
| Trung Quốc | 8.3 | 9.1 | 9.5 | 9.8 |
| Ấn Độ | 5.0 | 7.2 | 6.4 | 6.7 |

Nguồn: www.economywatch.com/database/national-income-database

Cả Trung Quốc và Ấn Độ có khoảng thời gian tăng trưởng liên tục từ cuối những năm 1970 tính đến nay là gần 30 năm - đây là 2 nước có mức tăng kỷ lục về thời gian tăng trưởng liên tục, ngay cả Hàn Quốc cũng không có được kỷ lục này do sự gián đoạn của thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á. Sau khi kết thúc 10 năm Cách mạng văn hoá 1966-76, kinh tế Trung Quốc gần như đi lên từ vực thẳm, trong khi đó Ấn Độ vừa thoát ra khỏi chu kỳ tăng trưởng âm lần thứ 3 kể từ những năm 1950 (đó là các năm: 1957-1958; 1965-1966 và 1977-1978).

Tuy nhiên, chúng ta bàn ở đây không phải là tăng trưởng bình thường mà là tăng trưởng cao. Trung Quốc có thời gian tăng trưởng cao, liên tục dài hơn của Ấn Độ: gần 30 năm (xem biểu), với mức tăng trung bình hơn 8% trong khi ở Ấn Độ, mức tăng này chỉ khoảng 6% và chỉ được duy trì trong giai đoạn sau năm 1991.

II. TĂNG TRƯỞNG DỰA TRÊN NHỮNG YẾU TỐ CHÍNH NÀO?

Có rất nhiều nhân tố liên quan đến sự tăng trưởng nhanh của kinh tế Ấn Độ và Trung Quốc. Tuy nhiên, theo chúng tôi, sự

tăng trưởng nhanh của cả Ấn Độ và Trung Quốc trong thời gian qua đều dựa trên một số yếu tố chính như sau:

1. Quy mô lớn của thị trường trong nước

Ấn Độ và Trung Quốc là hai nền kinh tế đang phát triển có quy mô thị trường lớn nhất thế giới. Xét về mật dân số Ấn Độ và Trung Quốc là hai nước có quy mô dân số hơn 1 tỷ người, hai nước có dân số lớn thứ nhất và thứ 2 thế giới. Đây là nhân tố rất thuận lợi để cả hai nước này có thể phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau.

Hiện Trung Quốc có 1,3 tỷ người, Ấn Độ có 1,1 tỷ người. Với dân số lớn nhất nhì thế giới, Trung Quốc và Ấn Độ là những thị trường lớn, hấp dẫn đối với cả các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp và nhiều loại hình dịch vụ khác. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, Trung Quốc là nước tiêu thụ ngũ cốc, thịt, than đá, thép... lớn nhất thế giới. Trung Quốc chỉ đứng sau Mỹ về tiêu thụ xăng dầu, ô tô. Theo tính toán, cứ sau 28 tháng, tiêu thụ máy tính ở Trung Quốc lại tăng gấp 2 lần. Năm 2003, tiêu thụ thép của Trung Quốc là 258 triệu tấn so với Mỹ là 104 triệu tấn; Tiêu thụ than đá ở Trung Quốc hiện cao gấp hơn 40% so với Mỹ⁽⁴⁾. Về mức tiêu thụ, Trung Quốc đứng đầu thế giới về mức tiêu thụ lúa mì, gạo, ngô, thịt lợn, hạt có dầu, dầu thực vật. Năm 2004, Trung Quốc tiêu thụ 64 triệu tấn thịt lợn (trong khi mức này của Mỹ là 38 triệu tấn). Theo thống kê, các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới như Walmart, Carrefour và Metro... đã chi những số tiền khổng lồ để mua hàng hoá ở Trung Quốc phục vụ cho hoạt động kinh doanh của họ. Năm 2003, con số đưa ra là 13 tỷ USD, năm 2004 là 18 tỷ USD và năm 2006 theo dự báo là

khoảng 25 tỷ USD. Nhà bán lẻ Anchan - có trụ sở ở Pháp, mỗi năm mua hàng trị giá 2 tỷ Euro ở Trung Quốc, còn Carrefour (cũng có trụ sở ở Pháp), đã mua 3,2 tỷ USD hàng ở Trung Quốc trong năm 2004; sang năm 2005, con số giá trị hàng hoá mà Carrefour mua ở Trung Quốc lên đến 4,58 tỷ USD⁽⁵⁾.

Ấn Độ cũng là thị trường hấp dẫn không kém. Mặc dù có khoảng 1/3 dân số vẫn sống trong cảnh thiếu thốn, nhưng Ấn Độ có tầng lớp trung lưu đang gia tăng rất nhanh (hiện có khoảng 250 triệu người)⁽⁶⁾ chỉ thấp hơn so với Mỹ và Trung Quốc. Ấn Độ còn là một trong những thị trường tiêu thụ tăng mạnh nhất thế giới. Trong 3 tháng cuối năm 2005, số người sử dụng điện thoại di động ở Ấn Độ tăng 20%, từ 64,6 triệu lên 77,6 triệu người⁽⁶⁾. Thị trường hàng công nghiệp bán lẻ Ấn Độ có quy mô 190 tỷ USD/năm⁽⁷⁾.

Theo điều tra của Media Partner Asia (MPA), năm 2005 Ấn Độ là thị trường truyền hình cáp lớn thứ 2 châu Á (sau Nhật Bản) với doanh thu 3,6 tỷ USD, tương đương mức của Trung Quốc. Dự tính đến năm 2015, số này của Ấn Độ sẽ là 10,5 tỷ USD (trong tổng số 45 tỷ USD của ngành công nghiệp truyền hình cáp châu Á), lớn nhất châu Á, chỉ sau Nhật Bản. Hiện nay Ấn Độ có kế hoạch mở rộng truyền hình cáp đến khắp các tỉnh và thành phố, tăng số hộ gia đình thuê bao lên 70%, từ mức 214 triệu hộ năm 2005 lên đạt 250 triệu hộ vào năm 2015. Doanh thu của các công ty phát thanh truyền hình Ấn Độ và công ty nước ngoài tại Ấn Độ như: New Corp's Star TV, Zee TV, Sun TV... theo đó cũng tăng từ 1,4 tỷ USD năm 2005 lên khoảng 2,9 tỷ USD vào năm 2010⁽⁶⁾.

Trung Quốc và Ấn Độ là hai thực thể kinh tế đang phát triển lớn ở châu Á, có nhu cầu về năng lượng đang gia tăng mạnh mẽ, mà nhu cầu về dầu mỏ là một điển hình. Lượng tiêu dùng dầu của Trung Quốc năm 1999 mới là 4,36 triệu thùng/ngày thì đến năm 2005 đã tăng lên 6,5 triệu thùng/ngày. Hiện Trung Quốc có mức tiêu thụ dầu lớn thứ 2 thế giới sau Mỹ (20,4 triệu thùng/ngày). Lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ mức 2,9 triệu tấn dầu năm 1994 lên 80 triệu tấn năm 2003. Còn Ấn Độ dù có nguồn than đá tương đối phong phú nhưng năng lượng chủ yếu hiện vẫn là dầu mỏ. Hiện mỗi ngày Ấn Độ tiêu thụ bình quân 2 triệu thùng dầu, đứng thứ 6 thế giới, nhưng có đến 70% lượng dầu tiêu thụ phụ thuộc vào nhập khẩu. Ấn Độ ở vào tình thế khó khăn hơn so với Trung Quốc khi lượng nhập khẩu dầu chiếm đến hơn 2/3 nhu cầu tiêu dùng, trong khi ở Trung Quốc, con số này chỉ là hơn 30%.

Trung Quốc và Ấn Độ tiếp tục là những thị trường có mức tăng trưởng cao trong năm 2006 và những năm tới. Theo dự báo của Tập đoàn Visa khu vực châu Á-Thái Bình Dương về mức tiêu dùng thương mại (Commercial Consumption Expenditure - CCE), trong năm 2006, chi tiêu kinh doanh và chi tiêu chính phủ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ vượt 16,1 ngàn tỷ USD (so với mức 17,4 ngàn tỷ của Mỹ và 22,1 ngàn tỷ của châu Âu). Trong số này, mức tiêu dùng thương mại của Trung Quốc và Ấn Độ tương ứng là 3,6 ngàn tỷ USD và 1,9 ngàn tỷ USD, chỉ đứng sau Nhật Bản với 5,4 ngàn tỷ USD. Cũng theo dự báo của Tập đoàn Visa, Trung Quốc là nước có mức tăng trưởng bình quân hàng năm về tiêu dùng thương

mại lớn nhất, đạt 16%. Còn tỷ lệ này của Ấn Độ là 13%⁽⁸⁾.

2. Lực lượng lao động và chi phí lao động

Cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có lực lượng lao động đông đảo và chi phí lao động thấp. Đây là lợi thế lớn, tạo ra sức cạnh tranh mạnh mẽ của hàng hoá cũng như của các nền kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ. Năm 2005, lực lượng lao động của Ấn Độ là 496,4 triệu người (so với số người trong độ tuổi lao động 14-64 là 704 triệu người), trong khi của Trung Quốc là 941,9 triệu người⁽⁹⁾. Có đến 60% lực lượng lao động Ấn Độ hoạt động trong nông nghiệp, trong khi lao động vào công nghiệp chỉ chiếm 17%, trong dịch vụ chiếm 23% (1999).

Ấn Độ có một đội ngũ lớn những người thuộc tầng lớp trung lưu, tiếp nhận giáo dục phương Tây, am hiểu luật pháp phương Tây, sử dụng Anh ngữ thành thạo, nắm bắt rõ ràng các quy luật diễn biến của thị trường tài chính, có khả năng vận dụng sáng tạo công nghệ phần mềm. Công nghệ thông tin đã trở thành một lực lượng quan trọng, nòng cốt trong xã hội Ấn Độ hiện nay - chiếm 4% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) - là đầu tàu thúc đẩy kinh tế Ấn Độ tăng trưởng nhanh. Ở Trung Quốc, cũng nhờ lực lượng lao động đông và chi phí lao động thấp, người ta đang ra sức phát triển các ngành chế tạo, biến Trung Quốc thành một "nhà máy lớn của thế giới", tạo cơ hội việc làm cho 160 triệu người. Từ hơn 20 năm qua, Trung Quốc đã bỏ quan niệm "nhiều người dễ làm việc", thực hiện nghiêm ngặt kế hoạch hoá gia đình "mỗi gia đình chỉ có 1 con", trong khi Ấn Độ không áp dụng kế hoạch tương tự.

Theo ước tính, đến năm 2025 dân số Ấn Độ sẽ lên đến 1,4 tỷ người, sau đó sẽ vượt dân số Trung Quốc, thành nước đông dân nhất thế giới. Cả Ấn Độ và Trung Quốc đều có cơ hội để nâng cao chất lượng lao động và đưa lao động từ ngành nông nghiệp sang các ngành khác có hiệu quả cao hơn. Điều này tạo cơ sở để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của cả hai nước trong những năm tới.

Là những nước dân số đông, có mức sống thấp, chi phí lao động của hai nước Trung Quốc và Ấn Độ đều thấp hơn so với khu vực và thế giới. Mức lương trung bình hàng năm (2004) ở Trung Quốc và Ấn Độ, theo WIR 2005 (tr. 80) đối với lao động không có kỹ năng là khoảng 1000 USD, so với 17.000 USD của các nước NIEs châu Á hay 30.000 USD của Tây Âu, thuộc loại thấp nhất so với một số nước và nhóm nước được đề cập trong nghiên cứu (gồm Tây Âu, 10 thành viên EU mới, Bungary và Rumani, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, NIEs châu Á, Trung Quốc và Ấn Độ). Còn lương trung bình của lao động có kỹ năng tương đối cao là hơn 5000 USD/năm (2004), cũng tương đương mức của Bungary và Rumani, so với mức 17.000 USD của Thổ Nhĩ Kỳ, 24.000 USD của NIEs châu Á và gần 40.000 USD của Tây Âu⁽¹⁰⁾.

3. Tỷ lệ tích lũy, tỷ lệ đầu tư của cả hai nước Trung Quốc và Ấn Độ đều tương đối cao

Mức tích lũy cao chính là một nhân tố quan trọng đứng đằng sau sự tăng trưởng nhanh của Trung Quốc và Ấn Độ vì có tích lũy cao mới có nhiều vốn cho đầu tư. Từ đầu những năm 1980 đến nay, tỷ lệ tích lũy của Trung Quốc so với GDP đều cao hơn 30%. Trong khi đó, từ giữa những năm 1990 trở lại đây, con số tương ứng

của Ấn Độ cũng là hơn 20%⁽¹¹⁾. Rõ ràng, nhờ có mức tiết kiệm, tích lũy cao, cả Trung Quốc và Ấn Độ đã có nhiều vốn hơn cho đầu tư. Theo thống kê, trong thập kỷ 1990, mức đóng góp vào tiết kiệm của thế giới của Trung Quốc là 9%, cao hơn so với Ấn Độ là 2%. Đây cũng là một động lực quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng ở cả hai nền kinh tế này.

4. Trung Quốc và Ấn Độ là những nước lớn, ý thức dân tộc, tư tưởng nước lớn đã thôi thúc họ phải vươn lên

Trong lịch sử, cả hai nước đã từng là những cường quốc, người Trung Quốc và người Ấn Độ vẫn tự hào là nước họ những cái nôi của sự phát triển kinh tế, văn hoá, lịch sử của thế giới. Chính tư tưởng nước lớn, ý thức dân tộc đã thôi thúc họ phải vươn lên, không thể tụt hậu. Vẫn biết ý thức dân tộc, tư tưởng nước lớn tồn tại từ lâu, nhưng nhờ tận dụng cơ hội quốc tế, trong vài thập kỷ qua, nhân tố này đã phát huy tác dụng.

Một nghiên cứu của OECD do Angus Madison thực hiện gần đây cho thấy, ở thế kỷ X sau Công nguyên, châu Á, (không kể Nhật Bản) nhờ sức mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ đã chiếm đến hơn 2/3 GDP thế giới. Trung Quốc và Ấn Độ đã từng dẫn đầu thế giới về kinh tế và công nghệ trong gần như suốt 1000 năm (từ thế kỷ V đến thế kỷ XV). Năm 1500, chỉ riêng Trung Quốc và Ấn Độ đã chiếm 50% GDP thế giới - mỗi nước chiếm khoảng 25%. Do sự phát triển mạnh của Tây Âu, vai trò thống trị của châu Á giảm dần, nhưng cho đến năm 1820 châu Á vẫn chiếm 56% GDP thế giới. Trong khoảng thời gian từ năm 1820 đến năm 1950, kinh tế châu Á trì trệ nên phần của châu Á giảm chỉ còn 20%.

Đến thế kỷ XVIII, năm 1750, Trung Quốc có dân số là 207 triệu người, GDP đầu người của Trung Quốc đạt 228 USD (theo giá USD năm 1960), so với mức 150-200 USD của châu Âu⁽¹²⁾. Sản xuất của Trung Quốc khi đó chiếm 32,8% sản xuất của thế giới, trong khi tỷ lệ này của Châu Âu mới chỉ là 23,2%, với dân số 130 triệu người. Khi đó, cả Trung Quốc và Ấn Độ chiếm 57,3% sản xuất của thế giới. Từ cuối thế kỷ XVIII, cách mạng công nghiệp đã dẫn đến sự phát triển mạnh của châu Âu. Trung Quốc và Ấn Độ bị tụt hậu. Lịch sử nước lớn và truyền thống phát triển khiến người Trung Quốc và Ấn Độ dường như không chấp nhận đi sau thiên hạ. Ngày nay, dường như người Trung Quốc và người Ấn Độ đang giành lại ưu thế của mình đối với thế giới.

5. Cả Trung Quốc và Ấn Độ đều thu hút được khối lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài và đều đang gia tăng đầu tư ra nước ngoài

Bảng 3: FDI thực tế vào Trung Quốc và Ấn Độ giai đoạn 1997-2001, tỷ USD

| Năm | 1997 | 1998 | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 |
|------------|--------|--------|--------|--------|--------|------|------|------|------|
| Trung Quốc | 44,237 | 43,751 | 40,319 | 40,772 | 46,846 | 52 | 53 | 60,6 | 72 |
| Ấn Độ | 3,619 | 2,633 | 2,168 | 2,319 | 3,403 | 3,7 | 4,3 | 5,3 | 6,0 |

Nguồn: Ấn Độ: tr. 7, India: Economic Survey 2004-2005; UNCTAD, Investment Brief, No. 1/2006; UNCTAD 2002, Aaditya Mattoo, India and the WTO, WB and Oxford University Press 2003, tr. 150.

Trong vòng 7 năm trở lại đây (từ 1998), Trung Quốc và Ấn Độ được liệt vào danh sách các thị trường thu hút FDI hấp dẫn nhất thế giới. Từ năm 2002 đến năm 2004, các nhà đầu tư thế giới liên tục coi Trung Quốc là địa điểm đầu tư số 1 của họ - xét về tiêu chí thị trường hấp dẫn nhất. Trong khi đó, vị trí của Ấn Độ được nâng lên từ số 15 năm 2002 lên thứ 6 năm 2003 và thứ 3 năm 2004.

Với ưu thế là những thị trường lớn, lại đang nổi lên, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Và chính nhờ thu hút được khối lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn đã góp phần tạo nên sức sống mới, làm nên những thành công của cả Trung Quốc và Ấn Độ. Từ năm 1991 đến 2002, số FDI thực tế vào Ấn Độ đạt 24 tỷ USD. Trong khi với Trung Quốc, trong 15 năm từ 1980 đến 1995, con số này là 133 tỷ USD. Trong thời kỳ 1997-2005, tổng FDI thực tế vào Trung Quốc đạt hơn 454 tỷ USD, trong khi con số này của Ấn Độ là khoảng 34 tỷ USD. FDI đã đem lại sự phát triển của nhiều ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế tạo ở Trung Quốc và các ngành như nhiên liệu, thông tin, viễn thông, công nghiệp vận tải, dịch vụ... Ở Ấn Độ. FDI chỉ chiếm 10% tổng đầu tư tài sản cố định xã hội ở Trung Quốc nhưng khu vực này chiếm tới 57% tổng xuất khẩu của Trung Quốc.

Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao, liên tục ở hai nước lớn này đi liền với mức tăng tiêu dùng nội địa mạnh - làm tăng tổng dung lượng thị trường. Điều này đi liền với các yếu tố khác như: tỷ lệ lao động có kỹ năng gia tăng, giá lao động rẻ hơn, các quy định về đầu tư được nới lỏng, trong khi mức độ hội nhập vào kinh tế và mạng thông tin toàn cầu gia tăng... đã tạo ra sự hấp dẫn đối với đầu tư và thu hút được sự quan

tâm của nhiều công ty lớn cũng như các nhà quản trị hàng đầu thế giới.

Về đầu tư ra nước ngoài. Bên cạnh là điểm đến hấp dẫn đối với FDI, cả Trung Quốc và Ấn Độ hiện cùng là những chủ cung cấp FDI ra nước ngoài và có nhiều công ty lớn đang gia tăng đầu tư ra nước ngoài. Cùng với sự lớn mạnh không ngừng của hai nền kinh tế, trong những năm gần đây, xu hướng các doanh nghiệp Trung Quốc và Ấn Độ gia tăng đầu tư ra nước ngoài được thấy ngày càng rõ⁽¹³⁾. Trong thời kỳ 1997-2000, mỗi năm Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài một khối lượng tương đương 0,6% tổng vốn đầu tư cố định của nước này, trong khi con số tương ứng của Ấn Độ là khoảng 0,15%⁽¹⁴⁾.

Đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc tăng từ mức bình quân khoảng 0,4 tỷ USD mỗi năm trong thập kỷ 1980 lên khoảng 2,3 tỷ USD/năm trong thập kỷ 1990. Riêng năm 2006, con số đạt 16,13 tỷ USD, tăng 31,5% so 2005. Sự tăng vọt này đã đưa Trung Quốc từ vị trí thứ 17 lên thứ 13 thế giới về mức đầu tư ra nước ngoài. Trong năm 2006, các doanh nghiệp Trung Quốc đã đầu tư 4,74 tỷ USD để mua lại các công ty nước ngoài.

Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của các công ty Ấn Độ tăng từ 0,6 tỷ USD năm 1996 lên 5,1 tỷ USD năm 2003. Vốn đầu tư ra nước ngoài của Ấn Độ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dược phẩm. Nơi đến của vốn Ấn Độ là Mỹ, Anh, châu Âu, Nga, châu Á, Mỹ Latinh. Đã có làn sóng các công ty Ấn Độ mua công ty nước ngoài. Năm 2003 Công ty Tata Motors đã mua Daewoo Commercial Vehicle (Hàn Quốc) với giá 188 triệu USD. Công ty Ifosys

Technologies Ltd mua công ty Aventis với giá 70 triệu USD; công ty Hindalco đã mua 2 mỏ đồng tại Úc. Tập đoàn Dầu mỏ và khí đốt quốc gia (ONGC) Ấn Độ đã mua 25% vốn cổ phần mỏ dầu và khí đốt Sakhalin của Nga với giá 1,7 tỷ USD... (13). Năm 2005, các công ty Ấn Độ đã chi 12 tỷ USD để mua lại các công ty nước ngoài ở khắp nơi trên thế giới. Theo chúng tôi, lý do của dòng vốn được xem là “chảy ngược” này ở cả hai nước Trung Quốc và Ấn Độ là:

Thứ nhất, nỗ lực của các nước, các công ty trong săn lùng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mở rộng các thị trường, tăng tài sản chiến lược (cả công nghệ và thương hiệu).

Thứ hai, sự tăng giá của đồng tiền Trung Quốc và Ấn Độ so với đồng USD.

Thứ ba, mong muốn giảm chi phí sản xuất hoặc chi phí vận tải để phục vụ khách hàng ở nước ngoài, đặc biệt là ở các nước phát triển.

Thứ tư, đầu tư ra nước ngoài giúp cho các công ty Trung Quốc, Ấn Độ gia tăng tạo việc làm cho lao động nước sở tại, giảm áp lực về những chỉ trích hàng Trung Quốc, Ấn Độ xâm nhập làm mất việc làm ở Mỹ, Nhật...

Thứ năm, với sự hiện diện của các công ty đa quốc gia nước ngoài ở Trung Quốc, Ấn Độ, làm tăng cạnh tranh trên thị trường trong nước, đầu tư ra nước ngoài làm giảm áp lực cạnh tranh, đồng thời phát huy được lợi thế so sánh của các công ty Trung Quốc và Ấn Độ.

Cuối cùng, động lực cho sự gia tăng đầu tư ra nước ngoài là sự hậu thuẫn của chính phủ trên cả 2 cấp: vĩ mô và vi mô. Ở

cấp vi mô, các doanh nghiệp sở hữu nhà nước đang là đối tượng, là động lực cho các hoạt động mua bán tài sản nước ngoài (Trung Quốc có cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia). Đặc biệt ở Ấn Độ, xu hướng đầu tư ra nước ngoài khác với Trung Quốc là dòng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân thực hiện (các công ty tư nhân lớn đầu tư ra nước ngoài là Tatas, Ambanis, Premjis..). ở cấp vĩ mô, chính phủ cả hai nước Trung Quốc và Ấn Độ đều thực hiện các nỗ lực tạo sự thuận lợi cho đầu tư ra nước ngoài. Ở Ấn Độ các quy định về đầu tư ra nước ngoài rất thông thoáng, chính phủ cho phép các công ty Ấn Độ được đầu tư toàn bộ vốn ra nước ngoài thông qua các hình thức liên danh hoặc lập chi nhánh. Trong khi Trung Quốc đang nói lỏng các quy định về đầu tư ra nước ngoài. Chẳng hạn việc đánh giá và ra quyết định đầu tư trước đây do Hội đồng Nhà nước thực hiện, nay chuyển sang cho Bộ Thương mại và các công ty làm. Hội đồng Nhà nước chỉ can thiệp khi quyết định đầu tư của một công ty có liên quan đến chính sách đối ngoại hoặc an ninh quốc gia.

Kết luận

Là một nước nằm kề cận với Trung Quốc và rất gần gũi với Ấn Độ, lại có nhiều mối quan hệ kinh tế thương mại với hai quốc gia này, trong những năm qua, sự phát triển của kinh tế nước ta chịu không ít những tác động nhiều chiều từ sự vươn lên nhanh chóng của hai nền kinh tế đông dân nhất thế giới này. Đi sâu nghiên cứu, so sánh, tìm hiểu về những nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ để học những điều

hay, để biết trước và tránh những điều không nên làm là điều rất cần thiết và có ý nghĩa.

Chú thích:

1. Ấn Độ thị trường tiềm năng khổng lồ, Ngoại thương số 34, 1-10/12/2005, tr. 34.
2. www.gio.gov.tw.
3. Báo Quốc tế số 22.6-28.6.2006.
4. Hồng Vân, *Trung Quốc thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới*, Ngoại thương số 14, ngày 11-20/5/2005, tr. 11.
5. Tin kinh tế 5/4/2006, tr. 8
6. Tin kinh tế 4/2/2006, tr. 6.
7. Ấn Độ thị trường tiềm năng khổng lồ, Ngoại thương số 34, 1-10/12/2005, tr. 34.
8. Minh Phương, *Chi tiêu thương mại khu vực châu Á- Thái Bình Dương năm 2006*, Thời báo tài chính 29/3/2006.
9. Nghiên cứu Trung Quốc số 2/2006, tr. 8.
10. Báo cáo đầu tư thế giới (WIR) 2005 tr. 80.
11. <http://finance.indiainfo.com/emaster/sreconomy.html>.
12. Tài liệu tham khảo đặc biệt 3.3.2006, tr. 10.
13. *Các doanh nghiệp Trung Quốc và Ấn Độ chuyển hướng đầu tư ra nước ngoài*, Ngoại thương số 10, 1-10/4/2005, tr. 6.
14. UNCTAD 2002, *Aaditya Mattoo, India and the WTO*, WB and Oxford University Press, 2003, tr. 151.